VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÂN TÍCH ĐỘC CHẤT MÔI TRƯỜNG
(VILAS 386 - VIMCERTS 079)
Địa chỉ: Phòng 700, nhà A30, số 18 Hoàng Quốc Việt, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84-24) 3791 2614 Email: dcmt386@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 00128.70/2022/PKQ (02W2208.022)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : **CÔNG TY TNHH KHU CÔNG NGHIỆP THĂNG LONG II**
Địa chỉ : Khu công nghiệp Thăng Long II, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên
Loại mẫu : Nước thải
Tình trạng mẫu : Bảo quản lạnh, hãm hóa chất
Số lượng mẫu : 01
Thời gian lấy mẫu : 02/08/2022
Thời gian thử nghiệm : 02/08/2022 - 12/08/2022

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCĐP 02:2019/HY
					Cmax
1.	Nhiệt độ	^oC	SMEWW 2550B:2017	27,9	**40**
2.	Độ màu	Pt/Co	TCVN 6185:2015	<5	**50**
3.	pH	-	TCVN 6492:2011	7,36	**6-9**
4.	Chất rắn lơ lửng (SS)	mg/L	SMEWW 2540D:2017	23	**40,5**
5.	BOD_5 (20^oC)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	15	**24,3**
6.	COD	mg/L	SMEWW5220C:2017	52	**60,75**
7.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 200.8	0,009	**0,04**
8.	Cadimi (Cd)	mg/L	US EPA Method 200.8	<0,0007	**0,04**
9.	Thủy ngân (Hg)	mg/L	US EPA Method 200.8	<0,0003	**0,004**
10.	Chì (Pb)	mg/L	US EPA Method 200.8	<0,0008	**0,081**
11.	Clorua (Cl^-)	mg/L	TCVN 6194:1996	190	**-**
12.	Cr^{6+}	mg/L	SMEWW 3500Cr.B:2017	0,007	**0,04**
13.	Cr^{3+}	mg/L	US EPA 200.8 + SMEWW 3500Cr.B:2017	<0,003	**0,162**
14.	Đồng (Cu)	mg/L	US EPA Method 200.8	0,065	**1,62**
15.	Kẽm (Zn)	mg/L	US EPA Method 200.8	<0,013	**2,43**
16.	Ni	mg/L	US EPA Method 200.8	0,027	**0,162**
17.	Mangan (Mn)	mg/L	US EPA Method 200.8	0,061	**0,405**
18.	Sắt (Fe)	mg/L	SMEWW 3500-Fe.B:2017	0,21	**0,81**

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Công nghệ môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÂN TÍCH ĐỘC CHẤT MÔI TRƯỜNG
(VILAS 386 - VIMCERTS 079)
Địa chỉ: Phòng 700, nhà A30, số 18 Hoàng Quốc Việt, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84-24) 3791 2614 Email: dcmt386@gmail.com

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCĐP 02:2019/HY
					Cmax
19.	Tổng xianua	mg/L	SMEWW4500-CN-.C&E:2017	0,006	**0,056**
20.	Tổng phenol	mg/L	SMEWW 5530D:2017	<0,01	**0,081**
21.	Tổng dầu, mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	<1,0	**4,05**
22.	Sunfua (S^{2-})	mg/L	TCVN 6637:2000	<0,04	**0,162**
23.	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/L	US EPA Method 3510C + US EPA Method 3620C + US EPA Method 8270D	<0,00001	-
24.	Florua (F^-)	mg/L	SMEWW 4500-F-.B&D:2017	0,25	**4,05**
25.	NH_4^+_N	mg/L	TCVN 6179-1:1996	<0,02	**4,05**
26.	Tổng Nitơ	mg/L	TCVN 6624-2:2000	4,9	**16,2**
27.	Tổng Photpho	mg/L	TCVN 6202:2008	2,92	**3,24**
28.	Clo dư	mg/L	SMEWW 4500-Cl.G:2017	<0,05	**0,81**
29.	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ	mg/L	US EPA Method 3510C + US EPA Method 3620C+ EPA Method 8270E	<0,00001	-
30.	Tổng PCBs	mg/L		<0,00001	-
31.	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/L	SMEWW 7110B:2017	<0,004	-
32.	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/L	SMEWW 7110B:2017	0,09	-
33.	Coliform	MPN/ 100mL	SMEWW 9221B&E:2017	$1,7x10^3$	**3.000**

Ghi chú:
- ***QCĐP 02:2019/HY:*** *Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải công nghiệp*
- ***Cmax:*** *$K_q = 0,9$ và $K_f = 0,9$*
- ***02W2208.022:*** *Nước thải tại điểm xả thải*

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2022

TRƯỞNG PHÒNG	QA/QC	KT. VIỆN TRƯỞNG PHÓ VIỆN TRƯỞNG
Phan Quang Thăng	Nguyễn Thị Hường	Nguyễn Trần Điện

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Công nghệ môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.